

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn; tranh chấp đòi
tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Đoàn
- Bà Nông Thị Ái Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 11/7/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Q, sinh năm 1995. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Lãng Văn D, sinh năm 1988. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trương Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Q được tự do, tự nguyện tìm hiểu với anh Lãng Văn D và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, ngày 02/4/2013 (nơi chị Trương Thị Q đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi kết hôn). Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn N (nay là thôn N), xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó, do hoàn cảnh kinh tế nên chị Trương Thị Q đi làm thuê và từ đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 5/2019, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị Trương Thị Q không về gia đình, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình sống ly thân hai vợ chồng không ai quan tâm chăm sóc ai. Vì mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị Trương Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lãng Văn D.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lãng Thị Hải Y, sinh ngày 12/4/2013, cháu Lãng Anh K, sinh ngày 14/5/2015. Hiện nay con chung đang do anh Lãng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Trương Thị Q không nhận quyền nuôi con. Yêu cầu anh Lãng Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung. Chị Trương Thị Q đồng ý với yêu cầu của anh Lãng Văn D về mức cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung 800.000 đồng/1 tháng/ 01 người con chung, tổng cấp dưỡng hàng tháng cho 02 người con chung là 1.600.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đồng ý yêu cầu cấp dưỡng một lần do chị không có đủ khả năng kinh tế.

Về tài sản chung vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung vợ chồng: Không có.

Chị Trương Thị Q không đồng ý với yêu cầu trả số tiền 100.000.000 đồng cho anh Lãng Văn D với lý do quá trình chung sống vợ chồng giữ hai người có sự chuyển khoản tiền cho nhau nhưng nhằm mục đích lo cuộc sống gia đình, bản thân chị cũng chuyển khoản tiền cho anh Lãng Văn D lo cho gia đình. Do đó, chị không đồng ý trả khoản tiền 100.000.000 đồng cho anh Lãng Văn D.

Anh Lãng Văn D trình bày quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lãng Văn D thừa nhận quá trình tìm hiểu đăng ký kết hôn như chị Trương Thị Q trình bày. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị Trương Thị Q ngoại tình. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh chỉ đồng ý ly hôn nếu chị Trương Thị Q trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng.

Về con chung: Anh Lãng Văn D thừa nhận có 02 người con chung như chị Trương Thị Q trình bày. Đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và mức cấp dưỡng như chị Trương Thị Q trình bày. Tuy nhiên, anh yêu cầu thực hiện việc cấp dưỡng một lần.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Về yêu cầu đòi tài sản: Anh Lãng Văn D yêu cầu chị Trương Thị Q trả cho anh số tiền là 100.000.000 đồng là tiền của riêng anh đã chuyển nhiều lần cho chị Trương Thị Q trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án đã giải thích, thông báo cho đương sự việc cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đòi tài sản. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án đương sự không cung cấp được.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên các đương sự không hòa giải được nội dung vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân xác định mâu thuẫn giữa chị Trương Thị Q và anh Lãng Văn D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trương Thị Q được ly hôn với anh Lãng Văn D; Về con chung căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lãng Thị Hải Y và cháu Lãng A K cho anh Lãng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị Q cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung là 800.000 đồng/1 tháng/ 01 người con chung, tổng cấp dưỡng hàng tháng cho 02 người con chung là 1.600.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, thực hiện phương thức cấp dưỡng theo tháng, tiền lãi chậm trả theo quy định. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không xem xét. Về án phí: Chị Trương Thị Q chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị Q yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Lãng Văn D có địa chỉ tại thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn có yêu cầu phản tố đòi tài sản (tiền). Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Bình Gia thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có văn bản trình bày quan điểm. Tại biên bản xác minh Công an xã H, Ủy ban nhân dân xã H xác nhận bị đơn vẫn có hộ khẩu tại địa phương và lao động tại địa phương. Quá trình giải quyết đã tổng đạt đầy đủ, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ cho bị đơn theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Ngày 18/8/2024, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1 và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa. Do đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Theo quy định tại Điều 227; khoản 1, 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Q và anh Lãng Văn D được tự do kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, Công an xã H xác nhận các đương sự sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay. Các đương sự đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình sống ly thân các đương sự đều không có hành động thể hiện mong muốn quan tâm và hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện việc không còn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng nhưng chỉ đồng ý ly hôn nếu chị Trương Thị Q trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng thể hiện việc không mong muốn đoàn tụ gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trương Thị Q và anh Lãng Văn D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Trương Thị Q được ly hôn với anh Lãng Văn D.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là Lãng Thị Hải Y, Lãng Anh K. Nhận thấy, thời gian sống ly thân con chung anh Lãng Văn D nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Qua xác minh anh Lãng Văn D có nhà cửa ổn định, có việc làm, có thu nhập; lời khai của các con chung đều muốn được ở với anh Lãng Văn D. Do đó, xét điều kiện nuôi dưỡng, hoàn cảnh sống phù hợp với sự phát triển của con chung, phù hợp với quan điểm của bị đơn nên có căn cứ chấp nhận giao con chung cho anh Lãng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành) theo quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất chị Trương Thị Q cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung là 800.000 đồng/1 tháng/ 01 người con chung, tổng cấp dưỡng hàng tháng cho 02 người con chung là 1.600.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, tiền lãi chậm trả theo quy định. Tuy nhiên, các đương sự không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng. Nhận thấy, anh Lãng Văn D không chứng minh được điều kiện kinh tế của chị Trương Thị Q đủ điều kiện cấp dưỡng một lần, việc cấp dưỡng nhằm mục đích chăm sóc cho con chung, nhưng vẫn phải đảm bảo khả năng kinh tế chăm sóc cho đời sống của người thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình và điều 117 Luật Hôn nhân gia

đình Hội đồng xét xử chấp nhận chị Trương Thị Q cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung là 800.000 đồng/1 tháng/ 01 người con chung, tổng cấp dưỡng hàng tháng cho 02 người con chung là 1.600.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, thực hiện phương thức cấp dưỡng theo tháng, tiền lãi chậm trả theo quy định.

[7] Về tài sản chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[8] Về nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về yêu cầu đòi tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn yêu cầu chị Trương Thị Q trả số tiền 100.000.000 đồng là tiền riêng của anh đã gửi nhiều lần cho chị Trương Thị Q. Tòa án đã giải thích và yêu cầu bị đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của bị đơn là có căn cứ.

[10] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[10] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 16, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25; điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Q ly hôn với anh Lăng Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lăng Thị Hải Y, sinh ngày 13/7/2013 và cháu Lăng A Khôi sinh ngày 14/5/2015 cho anh Lăng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành). Chị Trương Thị Q cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung, phương thức cấp dưỡng theo tháng, mức cấp

dưỡng là 800.000 đồng/1 tháng/1 người con chung, tổng số tiền cấp dưỡng hàng tháng cho 02 người con chung là 1.600.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến đến khi con chung đủ 18 tuổi (trưởng thành). Chị Trương Thị Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về yêu cầu đòi tài sản: Không chấp nhận yêu cầu của anh Lãng Văn D về việc đòi chị Trương Thị Q trả cho anh số tiền là 100.000.000 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Chị Trương Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng số tiền án phí dân sự mà chị Trương Thị Q phải chịu là 600.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Trương Thị Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Gia theo biên lai số 0003480 ngày 18/3/2024. Chị Trương Thị Q phải nộp số tiền còn thiếu là 300.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

5.2. Anh Lãng Văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Bình Gia;
- Chi cục THADS H. Bình Gia;
- UBND xã Hội Hoan, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Khi

